

b) Chi hoạt động thường xuyên:

Các huyện, thị xã, thành phố là 72 triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện Côn Đảo là 79 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước theo số chỉ tiêu hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao theo quy định, cụ thể:

Các huyện, thị xã, thành phố là 130 triệu đồng/người/năm.

Huyện Côn Đảo là 174 triệu đồng/người/năm.

d) Phân bổ thêm kinh phí hoạt động đối với các phòng, ban có ít biên chế (tỷ lệ % x tổng kinh phí chi hoạt động), cụ thể: đơn vị có từ 06 đến 09 biên chế được tính thêm 5%; đơn vị có từ 05 biên chế trở xuống được tính thêm 10%.

đ) Phân bổ thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố là 2.120 triệu đồng/năm; huyện Côn Đảo là 3.420 triệu đồng/năm.

e) Phân bổ thêm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn huyện Côn Đảo theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chi cơ quan Đảng cấp huyện

a) Chi cho con người: Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ tiền lương của số biên chế thực tế có mặt và quỹ tiền lương biên chế chưa tuyển dụng) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Đối với biên chế chưa tuyển dụng xác định quỹ tiền lương theo hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34).

b) Chi hoạt động thường xuyên:

Các huyện, thị xã, thành phố là 81 triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện Côn Đảo là 89 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Chi thực hiện nhiệm vụ đặc thù:

Thành phố Vũng Tàu (đơn vị chưa thực hiện sáp nhập Văn phòng Thành ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố) là 89 triệu đồng/biên chế/năm.

Các huyện, thị xã, thành phố (thực hiện sáp nhập Văn phòng huyện ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện) là 71 triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện Côn Đảo là 102 triệu đồng/biên chế/năm.

d) Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan Đảng theo số chỉ tiêu hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao theo quy định, cụ thể:

Các huyện, thị xã, thành phố là 130 triệu đồng/người/năm.

Huyện Côn Đảo là 174 triệu đồng/người/năm.

đ) Phân bổ thêm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn huyện Côn Đảo theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác trên địa bàn huyện Côn Đảo được hưởng lương từ ngân sách địa phương.

3. Cấp xã

a) Chi cho con người: Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ tiền lương của số biên chế thực tế có mặt và quỹ tiền lương biên chế chưa tuyển dụng) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Đối với biên chế chưa tuyển dụng xác định quỹ tiền lương theo hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34).

b) Chi hoạt động thường xuyên:

Xã loại I là 1.590 triệu đồng/năm.

Xã loại II là 1.420 triệu đồng/năm.

Xã loại III là 1.250 triệu đồng/năm.

c) Chi hoạt động Đảng ủy xã là 08 triệu đồng/biên chế/năm.

d) Kinh phí hỗ trợ cho những người hoạt động không chuyên trách theo số lượng được cấp có thẩm quyền giao thực hiện theo Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số chức danh khác ở cấp xã và ở thôn, ấp, khu phố, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ấp, khu phố; công an viên thường trực ở xã, công an viên phụ trách thôn, ấp; thôn, ấp, khu đội trưởng và mức kinh phí hoạt động ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên

trách ở cấp xã và ở thôn, ấp, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

đ) Chi chế độ cho cán bộ thôn, ấp, khu phố thực hiện theo các quyết định của cấp có thẩm quyền; Ban giám sát đầu tư cộng đồng theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư tại cộng đồng cấp xã, Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kinh phí hoạt động công tác dân vận ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định tại Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

e) Bố trí kinh phí cho chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

4. Hội có tính chất đặc thù

Hỗ trợ cho các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện:

- a) Các huyện, thị xã, thành phố: 1.074 triệu đồng/huyện/năm.
- b) Huyện Côn Đảo: 1.628 triệu đồng/huyện/năm.
- c) Hỗ trợ cho các Hội có tính chất đặc thù cấp xã: 118 triệu đồng/xã/năm.

5. Kinh phí hoạt động thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng nhân dân các cấp

- a) Cấp huyện: 41 triệu đồng/đại biểu/năm.
- b) Huyện Côn Đảo: 47 triệu đồng/đại biểu/năm.
- c) Cấp xã: 21 triệu đồng/đại biểu/năm.

Điều 26. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ	
	Cấp huyện	Cấp xã

Huyện Côn Đảo	182.599	
Đô thị	21.360	5.284
Còn lại	23.583	5.853

2. Ngoài ra, các Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng cấp xã và Nhà văn hóa dân tộc được tính thêm

- a) Các xã loại I: 190 triệu đồng/Trung tâm/năm.
- b) Các xã loại II: 200 triệu đồng/Trung tâm/năm.
- c) Các xã loại III (bao gồm cả huyện Côn Đảo): 210 triệu đồng/Trung tâm/năm.

Điều 27. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp phát thanh truyền hình

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ	
	Cấp huyện	Cấp xã
Huyện Côn Đảo	44.465	
Đô thị	4.495	1.846
Còn lại	4.985	2.046

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- a) Đài phát thanh các huyện, thị xã, thành phố được tính thêm là 910 triệu đồng/đơn vị/năm.
- b) Đài phát lại và truyền hình huyện Côn Đảo được tính thêm là 4.700 triệu đồng/đơn vị/năm.

Điều 28. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ	
	Cấp huyện	Cấp xã
Huyện Côn Đảo	25.161	

Đô thị	7.300	2.983
Còn lại	5.197	2.130

Điều 29. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Tên địa bàn	Định mức phân bổ		
	Tổng cộng	Cấp huyện	Cấp xã
A	1=2+3	2	3
Thành phố Vũng Tàu	168.945	118.261	50.683
Thành phố Bà Rịa	226.459	158.521	67.938
Thị xã Phú Mỹ	231.526	162.068	69.458
Huyện Long Điền	158.444	110.911	47.533
Huyện Đất Đỏ	355.878	249.115	106.764
Huyện Châu Đức	470.883	329.618	141.265
Huyện Xuyên Mộc	339.737	237.816	101.921
Huyện Côn Đảo	1.145.169	1.145.169	

Điều 30. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi an ninh quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Tên địa bàn	Định mức phân bổ		
	Tổng cộng	Cấp huyện	Cấp xã
A	1=2+3	2	3
Thành phố Vũng Tàu	154.014	84.708	69.306
Thành phố Bà Rịa	276.256	151.941	124.315
Thị xã Phú Mỹ	144.611	79.536	65.075
Huyện Long Điền	189.184	104.051	85.132
Huyện Đất Đỏ	311.283	171.026	140.077
Huyện Châu Đức	249.137	137.026	112.111

Huyện Xuyên Mộc	242.055	133.130	108.924
Huyện Côn Đảo	447.583		

2. Phân bổ thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù vùng biên giới hải đảo của huyện Côn Đảo là 10.000 triệu đồng/năm.

Điều 31. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ Cấp huyện
Huyện Côn Đảo	617.000
Đô thị	112.000
Vùng còn lại	116.000

Điều 32. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi các hoạt động kinh tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ Cấp huyện
Huyện Côn Đảo	2.320.000
Đô thị	395.000
Vùng còn lại	1.243.000

2. Phân bổ thêm kinh phí sự nghiệp kinh tế theo loại đô thị

- a) Đô thị loại I : 140.000 triệu đồng/năm.
- b) Đô thị loại II : 85.000 triệu đồng/năm.
- c) Đô thị loại III : 24.000 triệu đồng/năm.
- d) Đô thị loại IV : 17.000 triệu đồng/năm.
- đ) Đô thị loại V : 8.500 triệu đồng/năm.

Điều 33. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi khác

Định mức phân bổ chi khác được phân bổ theo tỷ lệ là 1% tổng chi thường xuyên theo các định mức nêu trên (từ Điều 23 đến Điều 32).

Điều 34. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán đối với huyện, thị xã, thành phố có dân số thấp

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có dân số thấp (dưới 120.000 người dân) được phân bổ thêm kinh phí với tỷ lệ phân bổ cụ thể như sau: Thành phố Bà Rịa là 5%; huyện Đất Đỏ là 12%; huyện Côn Đảo là 50% tính theo tổng các khoản chi thường xuyên các định mức nêu trên (từ Điều 23 đến Điều 33).

Điều 35. Tiêu chí, định mức phân bổ chi thi đua khen thưởng

Định mức chi thi đua khen thưởng được xác định phân bổ theo tỷ lệ là 0,5% tổng chi thường xuyên theo các định mức nêu trên (từ Điều 23 đến Điều 34).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của Nghị quyết này, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc tỉnh tổ chức thực hiện và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện, đảm bảo khớp, đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của từng đơn vị trực thuộc, thực hiện công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.
4. Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tại Nghị quyết này, các sở, ban, ngành, các cơ quan cấp tỉnh thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo việc lập, phân bổ và giao dự toán theo nhiệm vụ, chế độ, chính sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời, việc phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn năm 2022 tại Nghị quyết này để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ dự toán ngân sách đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học - công nghệ, môi trường được xác định theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và đảm bảo không thấp hơn dự toán đã được Hội đồng nhân dân

tỉnh phê duyệt hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

6. Căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tính theo định mức phân bổ, các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan thuộc tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; thực hiện chủ trương cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước; sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo quy định; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 37. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương; Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 đến hết năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 36;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PH-TH tỉnh;
- Lưu: VT, STC, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Phạm Viết Thanh